**THỰC HÀNH TRẮC NGHIÊM ÔN KIỂM TRA HKI**

**MÔN: SINH HỌC – KHỐI 11**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_🙢🕮🙠\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Chuyên đề 1: Chuyển hóa vật chất và năng lương ở TV(40 Câu) -16/12/8/4**

**BIẾT**

Câu 1. Ở cây ngô, nước được cây hút vào chủ yếu qua bộ phận nào sau đây?

A. Lá. B. Rễ. C. Cành. D. Hoa.

**Câu 2**. Khi nói về mạch gỗ và mạch rây, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Mạch gỗ được cấu tạo từ tế bào sống.

B. Mạch gỗ chỉ vận chuyển chất vô cơ.

C. Mạch rây gồm các tế bào đã chết.

D. Mạch rây vận chuyển các chất từ cơ quan nguồn xuống cơ quan chứa.

Câu 3. Ở cây khoai lang, nước chủ yếu được thoát qua cơ quan nào sau đây?

A. Thân. B. Lá. C. Rễ. D. Hoa.

**Câu 4**. Trong dung dịch mạch rây có chứa một chất hoà tan chiếm 10-20% hàm lượng, đó là chất nào sau đây?

A. Tinh bột. B. Prôtêin. C. Sacarôzơ. D. ATP.

**Câu 5.** Vi khuẩn Rhizôbium có khả năng cố định đạm vì chúng có loại enzim nào sau đây?

A. Nitrôgenaza. B. Amilaza. C. Caboxilaza. D. Nuclêaza.

Câu 6. Nguồn nitơ cung cấp chủ yếu cho cây là

A. từ xác sinh vật và quá trình cố định đạm. B. từ phân bón hoá học.

C. từ vi khuẩn phản nitrat hoá. D. từ khí quyển.

Câu 7. Phản nitrát là quá trình

A. biến đổi NO3- thành NO-2. B. liên kết phân tử NH3 vào axít đicacbôxilic.

C. chuyển hoá NO3- thành NH4+. D. biến NO3- thành N2.

**Câu 8.** Chức năng nào sau đây là của quá trình quang hợp?

A. Chuyển hóa nhiệt năng thành quang năng. B. Chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng.

C. Chuyển hóa quang năng thành hóa năng. D. Chuyển hóa quang năng thành nhiệt năng.

**Câu 9**. Sắc tố nào sau đây trực tiếp tham gia chuyển hoá năng lượng ánh sáng thành năng lượng của các liên kết hoá học trong ATP và NADPH?

A. Diệp lục a. B. Diệp lục b. C. Carôten. D. Xanthôphyl.

Câu 10. Năng suất sinh học là

A. tổng sinh khối của cây trên một ha gieo trồng trong mỗi ngày.

B. tổng lượng chất khô tích luỹ được mỗi ngày trên 1 ha gieo trồng trong suốt thời gian sinh trưởng.

C. là một phần sản phẩm có giá trị kinh tế tích luỹ trong các cơ quan.

D. tổng chất khô của cây tích lũy trên một ha gieo trồng trong mỗi ngày.

Câu 11. Khi nói về ảnh hưởng của quang phổ ánh sáng tới quang hợp, thì các tia sáng đỏ xúc tiến quá trình:

A. Tổng hợp ADN. B. Tổng hợp prôtêin. C. Tổng hợp lipit. D. Tổng hợp cacbohidrat.

Câu 12. Phân tử ôxi (O2) được giải phóng trong quang hợp có nguồn gốc từ đâu?

A. H2O (quang phân li H2O ở pha sáng). B. CO2 (cố định CO2 ở pha tối).

C. CO2 (quang phân li CO2 ở pha sáng). D. Khử APG ở chu trình Canvin.

Câu 13: Quang hợp quyết định bao nhiêu phần trăm năng suất của cây trồng?

A. Quang hợp quyết định 90 – 95% năng suất của cây trồng.

B. Quang hợp quyết định 80 – 85% năng suất của cây trồng.

C. Quang hợp quyết định 60 – 65% năng suất của cây trồng.

D. Quang hợp quyết định 70 – 75% năng suất của cây trồng.

Câu 14. Chất nào sau đây chỉ được rễ cây lấy vào theo cơ chế thẫm thấu?

A. Nước. B. Đạm urê.

C. Lân. D. Ca2+.

Câu 15. Các nguyên tố đại lượng (đa lượng) gồm:

A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe. B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.

C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn. D. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Cu.

**Câu 16.** Câu nào không đúng khi nói về nguyên tố dinh dưỡng thiết yếu trong cây?

A. Thiếu nguyên tố dinh dưỡng thiết yếu cây không hoàn thành được chu kỳ sống.

B. Chỉ gồm những nguyên tố đại lượng: C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.

C. Không thể thay thế được bởi bất kì nguyên tố nào.

D. Phải tham gia trực tiếp vào quá trình chuyển hoá vật chất trong cơ thể.

**HIỂU**

**Câu 17**. Tế bào nội bì có chức năng nào sau đây?

A. Quang hợp. B. Cung cấp ATP để hút khoáng.

C. Kiểm soát dòng nước, ion khoáng. D. Cấu tạo nên mạch gỗ của rễ.

Câu 18. Quá trình thoát hơi nước không có vai trò nào sau đây?

A. Tạo động lực phía trên để kéo nước từ rễ lên lá.

B. Làm khí khổng mở để hút CO2 cung cấp cho quang hợp.

C. Giúp hạ nhiệt độ của lá vào những ngày nắng nóng.

D. Tạo động lực để vận chuyển các chất từ lá xuống rễ.

**Câu 19**. Giả sử nồng độ ion Ca2+ ở trong tế bào lông hút của cây A là 0,002cM. Theo lí thuyết, cây A sống ở môi trường có nồng độ Ca2+ nào sau đây thì cần phải tiêu tốn năng lượng cho việc hấp thụ ion Ca2+?

A. 0,001. B. 0,01. C. 0,005. D. 0,03.

Câu 20. Khi nói về quá trình trao đổi khoáng của cây, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Quá trình hút khoáng luôn cần có ATP.

B. Rễ cây chỉ hấp thụ khoáng dưới dạng các ion hòa tan trong nước.

C. Mạch rây vận chuyển dòng ion khoáng còn mạch gỗ vận chuyển dòng nước.

D. Quá trình hút khoáng không phụ thuộc vào quá trình hút nước của rễ cây.

Câu 21. Khi nói về phân bón, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong đất, muối khoáng tồn tại ở dạng không tan và dạng hòa tan.

B. Cây chủ yếu hấp thụ muối khoáng ở dạng không tan.

C. Khi thiếu canxi, cây có thể hấp thụ muối CaCO3 với tốc độ cao.

D. Ở trong đất, muối khoáng chỉ tồn tại 1 dạng là dạng hòa tan hoặc dạng không tan.

**Câu 22.** Trong các quá trình sau, quá trình nào làm mất nitơ của đất, có hại cho cây trồng?

A. Quá trình amôn hóa.

B. Quá trình nitrat hóa

C. Quá trình cố định nitơ phân tử nhờ các vi sinh vật cộng sinh trong đất.

D. Quá trình phản nitrat hóa

Câu 23. Quang hợp không có vai trò nào sau đây?

A. Tổng hợp gluxít, các chất hữu cơ và giải phóng ôxi.

B. Biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hoá học.

C. Ôxi hoá các hợp chất hữu cơ để giải phóng năng luợng.

D. Điều hoà tỷ lệ khí O2/CO2 của khí quyển.

**Câu 24**. Trong quá trình bảo quản nông sản, hoạt động hô hấp của nông sản gây ra tác hại nào sau đây?

A. Làm giảm nhiệt độ. B. Làm tăng khí O2; giảm CO2.

C. Tiêu hao chất hữu cơ. D. Làm giảm độ ẩm.

**Câu 25**. Khi nói về trao đổi nước của cây, phát biểu nào sau đây sai?

A. Rễ cây có thể hấp thụ nước theo cơ chế thẫm thấu hoặc khuếch tán.

B. Tế bào lông hút của rễ cây tạo ra bề mặt tiếp xúc giữa rễ cây và đất.

C. Quá trình thoát hơi nước ở lá được điều tiết bởi tế bào khí khổng.

D. Thoát hơi nước là quá trình nào tạo ra động lực đầu trên của dòng mạch gỗ.

**Câu 26.** Quá trình phân giải kị khí và phân giải hiếu khí có giai đoạn chung là:

A. Chuổi chuyển êlectron. B. Chu trình crep.

C. Đường phân. D. Tổng hợp Axetyl – CoA.

**Câu 27.** Để cải tạo đất, người nông dân thường trồng cây họ đậu nhằm mục đích gì?

A. Bổ sung nguồn nitơ cho đất. B. Bổ sung nguồn canxi cho đất.

C. Bổ sung nguồn magie chất cây. D. Bổ sung nguồn photpho cho cây.

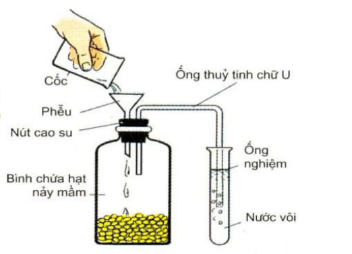
**Câu 28**. Khi trồng cây dưới ánh sáng nhân tạo, thì nên dùng đèn chiếu loại ánh sáng nào sau đây?

A. Đỏ và xanh tím. B. Đỏ và xanh lục.

C. Vàng và xanh tím. D. Vàng và xanh lục.

**VẬN DỤNG**

**Câu 29**. Thí nghiệm ở hình bên mô tả về quá trình thí nghiệm hô hấp ở thực vật. Phát biểu nào sau đây là sai?



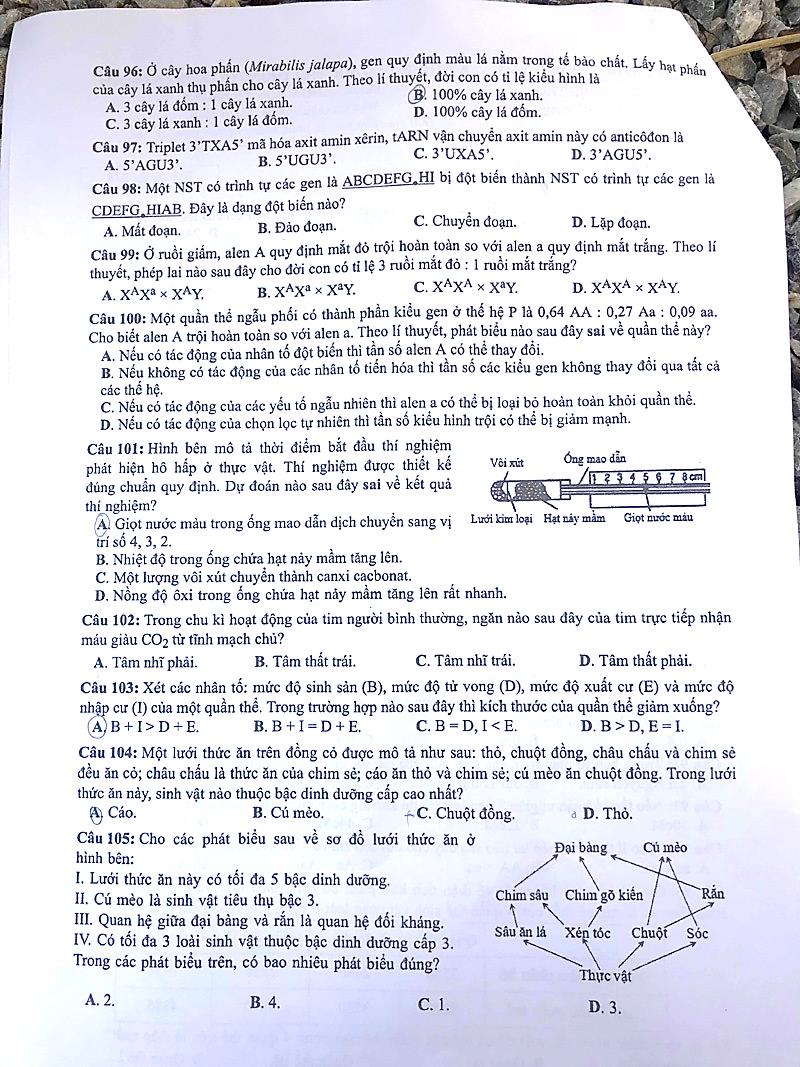
A. Thí nghiệm nhằm chứng minh hô hấp lấy khí O2.

B. Thí nghiệm có thể thay nước vôi bằng dung dịch Ba(OH)2.

C. Rót nước vào bình thí nghiệm để nhằm mục đích đầy khí CO2 vào ống nghiệm.

D. Ở trong ống nghiệm, CO2 sẽ phản ứng với Ca(OH)2 để tạo ra kết tủa CaCO3.

Câu 30. Hình bên mô tả thời điểm bắt đầu thí nghiệm phát hiện hô hấp ở thực vật. Thí nghiệm được thiết kế đúng chuẩn quy định. Dự đoán nào sau đây đúng về kết quả của thí nghiệm?



A. Nồng độ khí ôxi trong ống chứa hạt nảy mầm tăng nhanh.

B. Nhiệt độ trong ống chứa hạt nảy mầm không thay đổi.

C. Giọt nước màu trong ống mao dẫn bị đẩy dần sang vị trí số 6, 7, 8.

D. Một lượng vôi xút chuyển thành canxi cacbonat.

Câu 31. Trong một thí nghiệm, người ta xác định được lượng nước thoát ra và lượng nước hút vào của mỗi cây trong cùng một đơn vị thời gian như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Cây | A | B | C | D |
| Lượng nước hút vào | 32g | 30g | 31g | 27g |
| Lượng nước thoát ra | 30g | 33g | 32g | 29g |

Theo suy luận lí thuyết, cây nào không bị héo?

A. Cây A.

B. Cây B.

C. Cây C.

D. Cây D.

Câu 32: Ăn loại thực phẩm nào sau đây cung cấp nhiều vitamin A cho con người?

A. Xà lách, rau ngót, rau muống.

B. Quả cà chua, củ cà rốt, củ dền, quả gấc.

C. Các loại rau có lá xanh tươi.

D. Các loại hạt như: lúa gạo, ngô, khoai.

Câu 33. Để so sánh tốc độ thoát hơi nước ở 2 mặt của lá người ta tiến hành làm các thao tác như sau:

1. Dùng cặp gỗ hoặc cặp nhựa kẹp ép 2 tấm kính vào 2 miếng giấy này ở cả 2 mặt của lá tạo thành hệ thống kín.

2. Bấm giây đồng hồ để so sánh thời gian giấy chuyển màu từ xanh da trời sang hồng

3. Dùng 2 miếng giấy lọc có tẩm coban clorua đã sấy khô (màu xanh da trời) đặt đối xứng nhau qua 2 mặt của lá.

4. So sánh diện tích giấy có màu hồng ở mặt trên và mặt dưới của lá trong cùng thời gian.

Các thao tác tiến hành theo trình tự đúng là

A. (1) → (2) → (3) → (4). B. (2) → (3) → (1) → (4).

C. (3) → (2) → (1) → (4). D. (3) → (1) → (2) → (4).

**Câu 34**. Khi nói về thoát hơi nước ở lá cây, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Thoát hơi nước tạo động lực phía trên để vận chuyển các chất hữu cơ trong cây.

II. Thoát hơi nước làm mở khí khổng, CO2 khuyếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

III. Thoát hơi nước làm tăng nhiệt độ của lá, làm ấm cây trong những ngày giá rét.

IV*.* Thoát hơi nước tạo động lực thúc đẩy hút nước và hút khoáng của cây.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 35. Khi nói về quang hợp ở thực vật, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Khi không có CO2 thì không xảy ra pha tối nhưng vẫn xảy ra pha sáng.

B. Pha tối không sử dụng ánh sáng cho nên nếu không có ánh sáng thì pha tối vẫn diễn ra.

C. Quá trình quang phân li nước diễn ra ở pha sáng, do đó nếu không có pha tối thì cây vẫn giải phóng O2.

D. Nếu có một chất độc ức chế pha tối thì pha sáng cũng bị ức chế.

**Câu 36**. Khi nói về các biện pháp cải tạo đất nông nghiệp, phát biểu nào sau đây sai?

A. Trồng cây họ đậu sẽ giúp bổ sung nguồn nitơ cho đất.

B. Bón vôi bột (CaO) vào ruộng sẽ cải tạo các loại đất chua.

C. Bón phân chuồng, phân vi sinh sẽ giúp bổ sung nguồn vi sinh vật có lợi cho đất.

D. Bón phân đạm vô cơ sẽ góp phần làm giảm độ chua của đất.

**VẬN DỤNG CAO**

Câu 37 Khi nói về bón phân hợp lí cho cây trồng, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

1. Bón đúng loại, đủ số lượng và thành phần dinh dưỡng.
2. Đúng nhu cầu của giống, loài cây trồng.
3. Phù hợp với thời kỳ sinh trưởng, phát triển của cây.
4. Phải căn cứ vào điều kiện đất đai, thời tiết mùa vụ.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 38. Khi nói về trao đổi khoáng, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

1. Quá trình trao đổi nước phụ thuộc vào quá trình trao đổi khoáng của cây.
2. Nồng độ NH4+ ở trong đất càng cao thì càng kích thích cây phát triển.
3. Cường độ quang hợp càng mạnh thì tốc độ trao đổi khoáng càng yếu.
4. Để tăng năng suất thì không nên bón phân cho cây.

A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

**Câu 39**. Để tưới nước hợp lí cho cây trồng, cần dựa vào bao nhiêu đặc điểm sau đây?

I. Đặc điểm của loài cây.

II. Tính chất vật lí của đất.

III. Đặc điểm của thời tiết.

IV. Đặc điểm pha sinh trưởng và phát triển của cây.

A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 40. Bạn Mai sử dụng dung dịch phân bón để bón qua lá cho cây cảnh trong vườn. Để bón phân hợp lí, bạn Mai cần thực hiện bao nhiêu chỉ dẫn sau đây?

I.Bón đúng liều lượng II. Không bón khi trời đang mưa

III.Không bón khi trời nắng gắt IV. Bón phân phù hợp với thời kì sinh trưởng của cây.

1. 4 B. 1 C. 3 D. 2

**Chuyên đề 2: Chuyển hóa vật chất và năng lương ở ĐV(30 câu)-12/9/6/3**

**BIẾT**

Câu 41: Tiêu hoá là:

1. Quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng từ thức ăn cho cơ thể.

B. Quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể.

C. Quá trình tạo ra các chất chất dinh dưỡng cho cơ thể.

D. Quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành các chất đơn giản mà cơ thể có thể hấp thu được.

**Câu 42**. Sự tiêu hoá thức ăn ở dạ múi khế diễn ra như thế nào?

A.Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.

B. Tiết pepin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

C. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

D. Thúc ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzim tiêu hoá xellulôzơ.

Câu 43. Trao đổi khí qua bề mặt hô hấp có những đặc điểm

A. diện tích bề mặt lớn B. dày và luôn ẩm ướt

C. có rất ít mao mạch D. Không có sắc tố hô hấp

**Câu 44.** Trao đổi chất bằng hệ thống ông khí là hình thức hô hấp của

A. ếch nhái B. châu chấu C. chim D. giun đất

Câu 45. Ở động vật, hô hấp ngoài được hiểu là:

A. Hô hấp ngoại bào B.Trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường

C.Trao đổi khí qua bề mặt cơ thể D.Trao đổi khí qua các lỗ thở của côn trùng

**Câu 46**. Động vật đơn bào hoặc đa bào bậc thấp hô hấp

A. bằng mang B. qua bề mặt cơ thể C. bằng phổi D. bằng hệ thống ống khí

Câu 47. Hệ tuần hoàn của động vật được cấu tạo từ những bộ phận :

A.tim, hệ mạch, dịch tuần hoàn B. hồng cầu

C. máu và nước mô D. bạch cầu

Câu 48. Đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kín của động vật là :

A. tim -> Mao mạch ->Tĩnh mạch -> Động mạch -> Tim

B. tim -> Động mạch -> Mao mạch ->Tĩnh mạch -> Tim

C. tim -> Động mạch -> Tĩnh mạch -> Mao mạch -> Tim

D. tim -> Tĩnh mạch -> Mao mạch -> Động mạch -> Tim

**Câu 49**. Nhóm động vật không có sự pha trộn giữ máu giàu oxi và máu giàu cacbôníc ở tim

A. cá xương, chim, thú B. Lưỡng cư, thú

C. bò sát( Trừ cá sấu), chim, thú D. lưỡng cư, bò sát, chim

**Câu 50.** Khả năng co giãn tự động theo chu kì của tim là  :

A. do hệ dẫn truyền tim B. Do tim

C. Do mạch máu D. Do huyết áp

Câu 51. Thứ tự nào dưới đây đúng với chu kì hoạt động của tim

A. Pha co tâm nhĩ -> pha giãn chung -> pha co tâm thất

B. Pha co tâm nhĩ -> pha co tâm thất -> pha giãn chung

C. Pha co tâm thất -> pha co tâm nhĩ -> pha giãn chung

D. pha giãn chung -> pha co tâm thất -> pha co tâm nhĩ

Câu 52. Gan và thận có vai trò duy trì áp suất thẩm thấu của máu thuộc về:

A. duy trì áp suất thẩm thấu cua máu

B. duy trì huyết áp

C. duy trì vận tốc máu

D. Tỷ lệ O2 và CO2 trong máu

**HIỂU**

**Câu 53**. Sự tiến hoá của các hình thức tiêu hoá diễn ra theo hướng nào?

A. Tiêu hoá nội bào 🡪 Tiêu hoá nội bào kết hợp với ngoại bào 🡪 tiêu hoá ngoại bào.

B. Tiêu hoá ngoại bào 🡪 Tiêu hoá nội bào kết hợp với ngoại bào 🡪 tiêu hoá nội bào.

C. Tiêu hoá nội bào 🡪 tiêu hoá ngoại bào🡪 Tiêu hoá nội bào kết hợp với ngoại bào.

D. Tiêu hoá nội bào kết hợp với ngoại bào 🡪 Tiêu hoá nội bào 🡪 tiêu hoá ngoại bào.

Câu 54. Ý nào dưới đây không đúng với hiệu quả trao đổi khí ở động vật?

A. Có sự lưu thông khí tạo ra sự cân bằng về nồng độ khí O2 và CO2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

B. Có sự lưu thông khí tạo ra sự chênh lệch về nồng độ khí O2 và CO2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

C. Bề mặt trao đổi khí mỏng và ẩm ướt giúp O2 và CO­2 dễ dàng khuếch tán qua.

D. Bề mặt trao đổi khí rộng và có nhiều mao mạch và máu có sắc tố hô hấp.

Câu 55. Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa của người là:

A. miệng -> ruột non -> dạ dày -> hầu -> ruột già -> hậu môn

B. miệng -> thực quản -> dạ dày -> ruột non -> ruột già -> hậu môn

C. miệng -> ruột non -> thực quản -> dạ dày -> ruột già -> hậu môn

D. miệng -> dạ dày -> ruột non -> thực quản -> ruột già -> hậu môn

**Câu 56**. Các bộ phận tiêu hóa ở người vừa diễn ra tiêu hóa cơ học, vừa diễn ra tiêu hóa hóa học là:

A. miệng, dạ dày, ruột non B. miệng, thực quản, dạ dày

C. thực quản, dạ dày, ruột non. D. dạ dày, ruột non, ruột già

Câu 57. Ưu điểm của tiêu hoá thức ăn ở động vật có túi tiêu hoá so với động vật chưa có cơ quan tiêu hóa tiêu hoá?

A. tiêu hoá được thức ăn có kích thước lớn hơn.

B. tiêu hóa ngoại bào nhờ enzim

C. tiêu hóa nội bào trên thành túi tiêu hóa

D. tiếp tục tiêu hóa nội bào

Câu 58. Hệ tuần hoàn kín là hệ tuần hoàn có:

A. Máu lưu thông liên tục trong mạch kín (từ tim qua động mạch, mao mạch, tĩnh mạch, và về tim)

B. Tốc độ máu chảy nhanh, máu đi được xa.

C. Máu chảy trong động mạch với áp lực cao

D. Máu đến các cơ quan chậm nên đáp ứng được nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất.

**Câu 59**. Liên hệ ngược là:

A. Sự thay đổi bất thường về điều kiện lý hoá ở môi trường trong sau khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

B. Sự thay đổi bất thường về điều kiện lý hoá ở môi trường trong trước khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

C. Sự thay đổi bất thường về điều kiện lý hoá ở môi trường trong trở về bình thường sau khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

D. Sự thay đổi bất thường về điều kiện lý hoá ở môi trường trong trở về bình thường trước khi được điều chỉnh tác động ngược đến bộ phận tiếp nhận kích thích.

**Câu 60**. Cơ chế điều hoà hàm lượng glucôzơ trong máu tăng diễn ra theo trật tự nào?

A. Tuyến tuỵ 🡪 Insulin 🡪 Gan và tế bào cơ thể 🡪 Glucôzơ trong máu giảm.

B. Gan 🡪 Insulin 🡪 Tuyến tuỵ và tế bào cơ thể 🡪 Glucôzơ trong máu giảm.

C. Gan 🡪 Tuyến tuỵ và tế bào cơ thể 🡪 Insulin 🡪 Glucôzơ trong máu giảm.

D. Tuyến tuỵ 🡪 Insulin 🡪 Gan 🡪 tế bào cơ thể 🡪 Glucôzơ trong máu giảm.

**Câu 61**. Bộ phận thực hiện trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi có chức năng:

A. Điều khiển hoạt động của các cơ quan bằng cách gửi đi các tín hiệu thần kinh hoặc hoocmôn.

B. Làm tăng hay giảm hoạt động trong cơ thể để đưa môi trường trong về trạng thái cân bằng và ổn định.

C. Tiếp nhận kích thích từ môi trường và hình thành xung thần kinh.

D. Tác động vào các bộ phận kích thích dựa trên tín hiệu thần kinh và hoocmôn.

**VẬN DỤNG THẤP**

Câu 62. Những điểm giống nhau trong tiêu hoá ở thú ăn thịt và thú ăn thực vật là :

(1). đều tiêu hoá ngoại bào diễn ra trong ống tiêu hoá.

(2). cấu tạo ruột non và manh tràng

(3). Đều gồm 2 quá trình biến đổi: cơ học và hoá học.

A. 1, 2 B. 2, 3 C. 1, 3 D. 1, 2, 3

Câu 63. Có mấy ưu điểm của tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá so với trong túi tiêu hoá:

(1). dịch tiêu hóa không bị hòa loãng

(2).thực hiện tiêu hóa cơ học – tiêu hóa hóa học – hấp thụ thức ăn

(3). tiêu hóa cơ học – hấp thụ thức ăn

(4). tiêu hóa hóa học – hấp thụ thức ăn

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 64.** Tại sao trao đổi khí của mang cá xương đạt hiệu quả cao

(1 ). Mang cá gồm nhiều cung mang

(2). Mỗi cung mang gồm nhiều phiến mang

(3). Dòng nước chảy 1 chiều gần như liên tục qua mang

(4). Mang cá gồm ít cung mang

Số đáp án đúng là

A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 65. Tại sao phổi là cơ quan trao đổi khí hiệu quả của ĐV trên cạn ?

(1). Phổi có đủ các đặc điểm của củ bề mặt trao đổi khí

(2).Phổi của thú gồm nhiều phế nang nên bề mặt trao đổi khí rất lớn

(3). Phổi của chim có hệ thống túi khí giàu CO2 làm tăng hiệu quả trao đổi khí

(4). Phổi của chim có hệ thống túi khí làm tăng hiệu quả trao đổi khí

Đáp án đúng là:

A. 1,2,3 B. 1,2,4 C. 2,3,4 D. 1,2,3,4

Câu 66. Huyết áp thay đổi do những yếu tố nào

1. Lực co tim 4. Khối lượng máu

2. Nhịp tim 5. Số lượng hồng cầu

3. Độ quánh của máu 6. S ự đàn hồi của mạch máu

Đáp án đúng là:

A. 1, 2, 3, 4, 5 B. 1, 2, 3, 4, 6

C. 2, 3, 4, 5, 6 D. 1, 2, 3, 5, 6

Câu 67. Ưu điểm của vòng tuần hoàn kép so với vòng tuần hoàn đơn?

(1). áp lực đẩy máu lưu thông trong hệ mạch rất lớn

(2). Tốc độ máu chảy nhanh , đi được xa

(3). tăng hiệu qủa cung cấp O2 và chất dinh dưỡng cho TB,

(4). Khả năng điều hòa phân phối máu đến các cơ quan chậm

Số đáp án đúng là

A. 2 B. 3 C. 1 D. 4

**VẬN DỤNG CAO**

**Câu 68**. Khi nói về tiêu hóa của động vật, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I.Tất cả các quá trình tiêu hóa đều biến đổi chất hữu cơ phức tạp thành chất hữu cơ đơn giản để cơ thể hấp thụ.

II. Động vật đơn bào chỉ có tiêu hóa nội bào; động vật đa bào bậc cao chỉ có tiêu hóa ngoại bào.

III. Các loài có túi tiêu hóa, vừa có tiêu hóa ngoại bào vừa có tiêu hóa nội bào.

IV. Động vật ăn thịt thường có ruột ngắn và có dạ dày bé hơn động vật ăn cỏ.

A.1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 69. Khi nói về tiêu hóa của các loài thú ăn cỏ, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

1. Luôn có quá trình tiêu hóa sinh học.
2. Dạ dày có 4 túi và luôn có quá trình nhai lại.
3. Quá trình tiêu hóa sinh học của cừu diễn ra ở dạ cỏ, dạ tổ ong.

(4) Xenlulôzơ được vi sinh vật chuyển hóa thành glucôzơ, sau đó chuyển hóa thành prôtêin.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 70**. Khi nói về thực hành đo một số chỉ tiêu sinh lí ở người, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

1. Sau khi chạy nhanh tại chổ thì huyết áp sẽ tăng lên so với trước lúc chạy.
2. Muốn đo nhiệt độ cơ thể thì phải kẹp nhiệt kế trong nách hoặc ngậm trong miệng ít nhất 2 phút, rồi lấy ra đọc kết quả.
3. Khi đo huyết áp bằng huyết áp kế đồng hồ, tiếng đập đầu tiên là giá trị huyết áp tối đa, tiếng đập cuối cùng là huyết áp tối thiểu.

(4) Khi nhịp tim tăng thì sẽ dẫn tới huyết áp tăng và thân nhiệt tăng lên so với khi nhịp tim giảm.

A.1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Chuyên đề 3: Cảm ứng (20 câu) -8/6/4/2**

**BIẾT**

**Câu 71.** Đặc điểm cảm ứng ở thực vật là:

A. Xảy ra nhanh , dễ nhận thấy. B. Xảy ra chậm , khó nhận thấy.

C. Xảy ra nhanh , khó nhận thấy. D. Xảy ra chậm , dễ nhận thấy.

Câu 72. Tác nhân của hướng trọng lực là:

A. đất. B. ánh sáng. C. chất hóa học D. sự va chạm.

Câu 73. Sự đóng mở của khí khổng thuộc dạng cảm ứng nào?

A. H­ướng hoá.

B. Ứng động không sinh trư­ởng.

C. Ứng động sức tr­ương.

D. Ứng động tiếp xúc.

**Câu 74**. Hoa nghệ tây, hoa tulíp nở và cụp lại do sự biến đổi của nhiệt độ là ứng động :

A. dưới tác động của ánh sáng. B. dưới tác động của nhiệt độ.

C. dưới tác động của hoá chất. D. dưới tác động của điện năng

Câu 75. Ứng dộng của cây trinh nữ khi va chạm là kiểu :

A. ứng động sinh trưởng. B. quang ứng động.

C. ứng động không sinh trưởng D. điện ứng động.

**Câu 76**. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch có ở những động vật:

A. ngành ruột khoang B. giun dẹp, đỉa, côn trùng

C. cá, lưỡng cư, bò sát. D. Chim, thú.

**Câu 77.** Cấu trúc của hệ thần kinh dạng ống ở người từ trên xuống theo thứ tự:

A. Não bộ 🡪 Hạch thần kinh 🡪 Dây thần kinh 🡪 Tủy sống.

B. Hạch thần kinh 🡪 Tủy sống 🡪 Dây thần kinh 🡪 Não bộ.

C. Não bộ 🡪 Tủy sống 🡪 Hạch thần kinh 🡪 Dây thần kinh.

D. Tủy sống 🡪 Não bộ 🡪 Dây thần kinh 🡪 Hạch thần kinh.

**Câu 78.** Đặc điểm cảm ứng ở động vật là:

A. Xảy ra nhanh , dễ nhận thấy. B. Xảy ra chậm , khó nhận thấy.

C. Xảy ra nhanh , khó nhận thấy. D. Xảy ra chậm , dễ nhận thấy.

**HIỂU**

Câu 79. Vào rừng nhiệt đới, ta gặp rất nhiều dây leo quấn quanh những cây gỗ lớn để vươn lên cao, đó là kết quả của:

A. Hướng sáng. B. hướng tiếp xúc. C. Hướng trọng lực âm D. Hướng nước

**Câu 80**. Sự vận động bắt mồi của cây gọng vó là kết hợp của:

A. ứng động tiếp xúc và hoá ứng động. B.quang ứng động và điện ứng động.

C. nhiệt ứng động và thuỷ ứng động. D. ứng động tổn thương.

Câu 81. Tại sao hệ thần kinh dạng chuỗi hạch có thể trả lời cục bộ ( như co 1 chân ) khi bị kích thích ?

A. Số lượng tế bào thần kinh tăng lên.

B. Mỗi hạch là 1 trung tâm điều khiển 1 vùng xác định của cơ thể

C. Do các tế bào thần kinh trong hạch nằm gần nhau.

D. Các hạch thần kinh liên hệ với nhau.

**Câu 82**. Ứng động khác cơ bản với hướng động ở đặc điểm nào?

A. Tác nhân kích thích không định hướng. B. Có sự vận động vô hướng

C. Không liên quan đến sự phân chia tế bào. D. Có nhiều tác nhân kích thích.

Câu 83. Ý nào không đúng với cảm ứng động vật đơn bào?

A. Co rút chất nguyên sinh. B. Chuyển động cả cơ thể.

C. Tiêu tốn năng lượng. D. Thông qua phản xạ.

**Câu 84.** Hệ thần kinh dạng lưới được tạo thành do

A. Các tế bào thần kinh rải rác dọc theo khoang cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.

B. Các tế bào thần kinh phân bố đều trong cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.

C. Các tế bào thần kinh rải rác trong cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.

D. Các tế bào thần kinh phân bố tập trung ở một số vùng trong cơ thể và liên hệ với nhau qua sợi thần kinh tạo thành mạng lưới tế bào thần kinh.

**VẬN DỤNG THÁP**

**Câu 85.** Phản xạ phức tạp thường là

A. Phản xạ có điều kiện, trong đó có sự tham gia của một số ít tế bào thần kinh trong đó có các tế bào vỏ não.

B. Phản xạ không điều kiện, có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh trong đó có các tế bào vỏ não.

C. Phản xạ có điều kiện, trong đó có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh trong đó có các tế bào tuỷ sống.

D. Phản xạ có điều kiện, trong đó có sự tham gia của một số lượng lớn tế bào thần kinh trong đó có các tế bào vỏ não.

Câu 86. Thủy tức phản ứng như thế nào khi ta dùng kim nhọn châm vào thân nó?

A. Co những chiếc vòi lại B. Co toàn thân lại.

C. Co phần thân lại. D. Chỉ co phần bị kim châm.

**Câu 87.** Các phản xạ sau đây là phản xạ có điều kiện:

A. Nghe nói đến quả mơ tiết nước bọt.

B. Ăn cơm tiết nước bọt.

C. Em bé co ngón tay lại khi bị kim châm.

D. Bụi bay vào mắt sẽ nhắm mắt lại

Câu 88. Ý nào không đúng đối với phản xạ?

A. Phản xạ chỉ có ở những sinh vật có hệ thần kinh.

B. Phản xạ được thực hiện nhờ cung phản xạ.

C. Phản xạ được coi là một dạng điển hình của cảm ứng.

D. Phản xạ là khái niệm rộng hơn cảm ứng.

**VẬN DỤNG CAO**

Câu 89. Kể thứ tự chính xác sơ đồ cung phản xạ tự vệ ở người:

A. Thụ quan đau ở da 🡪 Đường cảm giác 🡪 Tủy sống 🡪 Đường vận động 🡪 Cơ co

B. Thụ quan đau ở da 🡪 Đường vận động 🡪 Tủy sống 🡪 Đường cảm giác 🡪 Cơ co

C. Thụ quan đau ở da 🡪 Tủy sống 🡪 Đường cảm giác 🡪 Đường vận động 🡪 Cơ co

D. Thụ quan đau ở da 🡪 Đường cảm giác 🡪 Đường vận động 🡪 Tủy sống 🡪 Cơ co

**Câu 90.** Một bạn học sinh lỡ tay chạm vào chiếc gai nhọn và có phản ứng rụt tay lại. Em hãy chỉ ra theo thứ tự: tác nhân kích thích 🡪 Bộ phận tiếp nhận kích thích 🡪 Bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin 🡪 Bộ phận thực hiện phản ứng của hiện tượng trên:

A. Gai 🡪 Thụ quan đau ở tay 🡪 Tủy sống 🡪 Cơ tay.

B. Gai 🡪 tủy sống 🡪 Cơ tay 🡪 Thụ quan đau ở tay.

C. Gai 🡪 Cơ tay 🡪 Thụ quan đau ở tau 🡪 Tủy sống.

D. Gai 🡪 Thụ quan đau ở tay 🡪 Cơ tay 🡪 Tủy sống